

HÀ NHẬT THĂNG

MODULE TH

35

**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Mọi hoạt động ở trường tiểu học (bán trú) của GVCN rất đa dạng, phong phú. Học xong module này, ngoài những hiểu biết chung về nhiệm vụ của GVCN, học viên hiểu sâu sắc hơn những đặc trưng và yêu cầu của GVCN ở tiểu học loại trường bán trú ngày. *Phân tích được những hoạt động quản lí của GVCN ở trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện giáo dục toàn diện đối với HS tiểu học.*



B. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU CHUNG

- Học, nghiên cứu xong module, GV nói chung và GVCN nói riêng hiểu được những nhiệm vụ chung của công tác chủ nhiệm lớp ở trong và ngoài nhà trường tiểu học và những hoạt động cụ thể mỗi ngày ở trường.
Ở trường bán trú, GVCN có trách nhiệm quản lí, theo dõi tất cả mọi hoạt động của HS ở trường. GVCN cần có khả năng lường trước những tình huống có thể xảy ra đối với HS ở trường bán trú.
- Hiểu trường bán trú là một cơ hội để GVCN có điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, các chức năng của GVCN ở tiểu học.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về kiến thức

- Hiểu được những công việc GVCN ở tiểu học bao gồm những hoạt động chính như: giảng dạy, quản lí việc giáo dục toàn diện (nuôi, dạy, phát hiện, bồi dưỡng đạo đức, năng khiếu, chăm sóc sức khỏe, những biến đổi về tâm sinh lí... của HS); hướng dẫn HS rèn luyện phát triển, xúc cảm, thói quen. GVCN cần biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ HS và đoàn thể xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục ở tiểu học.
- Tự lí giải sự cần thiết phải thực hiện những nội dung hoạt động đó.

2. Về kĩ năng

- Có kĩ năng dạy học, giáo dục, giao tiếp, phối hợp, quản lí, tổ chức hoạt động giáo dục để thực hiện nhiệm vụ, chức năng của người GVCN.
- Có kĩ năng tự hoàn thiện nhân cách, nhất là kĩ năng tiếp cận với những thông tin mới về giáo dục tiểu học.
- Có kĩ năng làm việc có kế hoạch.

3. Về thái độ

- Có nhận thức đúng về vai trò, vị trí của GVCN; có trách nhiệm cao, không ngại khó khăn, làm việc sáng tạo, đam mê với nghề.
- Thương yêu HS, thân ái với đồng nghiệp và phụ huynh HS. Khiêm tốn học hỏi, tự hoàn thiện.



C. NỘI DUNG

1. Nội dung của module

1. Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của GVCN ở tiểu học và những hoạt động chủ yếu của GVCN ở trường.
2. Phân tích những nhiệm vụ đặc trưng của GVCN trong giai đoạn hiện nay.
3. Phân tích những yêu cầu đối với GVCN ở tiểu học.
4. Có kĩ năng thiết kế một số hoạt động giáo dục ở trong và ngoài nhà trường.

2. Yêu cầu học tập

Để học tập tốt module, đòi hỏi học viên cần thực hiện một số yêu cầu sau đây:

- *Về thái độ học tập:*

Phải cố gắng nỗ lực, khiêm tốn cầu thị, tránh tư tưởng chủ quan, chủ động suy nghĩ, mạnh dạn trao đổi, chia sẻ với đồng nghiệp.
- *Về phương pháp học tập:*
 - + Lấy tự học, tự nghiên cứu là chính.
 - + Tham khảo thêm tài liệu.
 - + Liên hệ với thực tế, những mâu thuẫn, những vấn đề cấp thiết và tìm ra cách thức giải quyết.
 - + Sưu tầm những tư liệu phục vụ cho các hoạt động giáo dục.
- *Về nội dung học tập:*
 - + Hiểu và phân tích được tầm quan trọng, vai trò của GV tiểu học ở loại hình trường bán trú ngày ở tiểu học.
 - + Xác định được những nội dung hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường của một GVCN. Thấy rõ những điểm mới của GVCN ở trường bán trú trong giai đoạn hiện nay.
 - + Có kĩ năng thiết kế các hoạt động.

Hoạt động 1. Tìm hiểu ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học và những hoạt động của giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 1

Học xong, học viên hiểu tầm quan trọng của GVCN trong giai đoạn hiện nay, lí giải được tại sao quan trọng, đặc biệt đối với giáo dục tiểu học, loại trường bán trú ngày.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Công tác chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học trong giai đoạn hiện nay rất quan trọng, vì các lí do sau đây:

Một là xuất phát từ vị trí của GVCN ở trường phổ thông.

- Công tác chủ nhiệm lớp ra đời cách đây mấy trăm năm, sau khi xuất hiện hệ thống tổ chức nhà trường theo lí luận của Cômensexki và tồn tại cho đến ngày nay. Vì trường đông HS, cần chia nhỏ thành lớp; quản lí HS mỗi lớp là GVCN.

Trước đây, chức năng cơ bản nhất của GVCN là đại diện của Hiệu trưởng quản lí hoạt động học tập, sinh hoạt của một lớp học trong nhà trường. Vì vậy, GVCN được coi như "một Hiệu trưởng nhỏ", "Hiệu trưởng không có dấu đỏ". Nhiệm vụ chủ yếu của GVCN là quản lí sĩ số HS, quản lí giờ học trên lớp, truyền đạt những mệnh lệnh của Hiệu trưởng và yêu cầu HS thực hiện. GVCN có trách nhiệm đánh giá kết quả học tập và hạnh kiểm của HS căn cứ vào kết quả thực hiện những yêu cầu, nội quy của trường.

- Hiện nay, do những yêu cầu mới của giáo dục mà vai trò, vị trí của GVCN có những thay đổi rất lớn và rất quan trọng.
 - + GVCN ngày nay là người quản lí HS cả ngày học và hoạt động ở trường;
 - + GVCN phải là người cố vấn, định hướng cho các bậc cha mẹ thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện;
 - + GVCN phải là người tổ chức phối hợp với các lực lượng xã hội ngoài nhà trường, xây dựng môi trường thân thiện, lành mạnh nhằm phát huy tối đa tiềm năng của xã hội, tận dụng tối đa mặt tích cực và hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến với HS;
 - + GVCN phải là người phát hiện, tổ chức bồi dưỡng năng khiếu cho trẻ em. Xuất phát từ chiến lược nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho các lĩnh vực sản xuất và hoạt động xã hội... Việc phát hiện năng khiếu ở

trẻ em là một đòi hỏi vừa mới vừa khá phức tạp đối với GVCN ở tiểu học nói riêng và ở phổ thông nói chung. Phát hiện đúng năng khiếu, sở thích của HS sẽ góp phần rất lớn vào chiến lược đào tạo nhân tài, hướng nghiệp, sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả chất lượng khai thác tài nguyên con người;

- + GVCN phải là người có trách nhiệm đánh giá toàn diện chất lượng giáo dục HS. Trước đổi mới giáo dục, đánh giá giáo dục phổ thông chủ yếu căn cứ vào kết quả học văn hoá và sự chuyên cần trong học tập. Ngày nay phải căn cứ vào mục tiêu giáo dục các cấp học, GVCN cần có nhận định, đánh giá từng HS trên các lĩnh vực hoạt động nhận thức, xúc cảm, tình cảm, thái độ của các em đối với hiện tượng tự nhiên và xã hội, đánh giá HS về các kĩ năng, hành vi, sự phát triển năng lực sáng tạo, thích ứng, giao tiếp ứng xử...

Thứ hai, do mục tiêu giáo dục thời công nghiệp hoá, hiện đại hoá có những thay đổi, giáo dục con người phát triển toàn diện trở thành yêu cầu khách quan, là đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội của nền văn minh hậu công nghiệp.

- + *Mục tiêu chung:*

Yêu cầu của xã hội cần đào tạo những thế hệ lao động thông minh, năng động, sáng tạo, biết kết hợp giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa lí luận với thực tiễn; có kiến thức sâu rộng và có năng lực giải quyết những thách thức của thời đại; có xúc cảm, tình cảm, niềm tin sâu sắc; có lối sống lành mạnh, phát triển toàn diện tiềm năng về mọi mặt; có bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống; có sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần.

- + *Vì sao phải phát triển con người toàn diện?*

Để thực hiện mục tiêu giáo dục tổng quát đó, từ cuối thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu khoa học và quản lí đã nhận thức sâu sắc những thách thức, những mâu thuẫn khôn lường: đó là sự gia tăng dân số, môi trường bị tàn phá làm Trái Đất nóng lên, thiên tai, bão, động đất, sóng thần xảy ra thường xuyên; tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt; những vấn đề xã hội (sự phát triển kinh tế - xã hội không bền vững, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn giàu nghèo, sắc tộc, hệ tư tưởng...).

Trước những thách thức của thời đại, một vấn đề, một câu hỏi được đặt ra là giải quyết những mâu thuẫn, những thách thức trên bằng cách nào? Kết quả nghiên cứu về giáo dục và khoa học nghiên cứu về con người đã

khẳng định: “Con người là tài nguyên vô tận” nhưng chưa được khai thác hợp lý trong khi các nguồn tài nguyên khác đã cạn kiệt.

Chỉ đến những thập niên 80 của thế kỷ XX, nhân loại mới nhận thức thật đầy đủ ý nghĩa, vai trò của con người và của giáo dục như một phương thức quan trọng nhất khai thác tài nguyên con người. Chính vì vậy, dù diễn đạt có khác nhau nhưng đều thống nhất ở một điểm là coi: “Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững”; “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, được ưu tiên số một.

Thực tế nửa sau thế kỷ XX đã chứng minh rằng nước nào, dân tộc nào tập trung đúng hướng cho sự phát triển giáo dục, có một chiến lược phát triển theo đúng quy luật phát triển thì nước đó, dân tộc đó đã có những bước nhảy vọt chỉ sau 10 - 15 năm.

Lí luận và thực tiễn cho thấy giáo dục con người phát triển toàn diện là một đòi hỏi khách quan, là một quy luật tất yếu. Chỉ có phát triển con người toàn diện mới có thể giải quyết được sự phát triển kinh tế bền vững ở nền văn minh hậu công nghiệp.

- *Giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống, lí tưởng sống là một trong những trọng tâm của mục tiêu giáo dục con người toàn diện.*

Bất kì cấp học nào, trường nào cũng phải cố gắng giáo dục, hình thành ở HS trên 40 phẩm chất, được chia thành 5 nhóm giá trị thể hiện 5 quan hệ:

1/Nhóm những giá trị quan hệ với bản thân, bao gồm:

Biết tự trọng, tự tu, tự lập, giản dị, tiết kiệm, trung thực, siêng năng, hướng thiện, biết kiềm chế, biết hối hận, biết hổ thẹn, biết tự đánh giá để hoàn thiện...

2/Nhóm những giá trị thể hiện quan hệ với người khác gồm:

Nhân nghĩa, biết ơn, kính trọng, yêu thương, khoan dung, khiêm tốn, biết hợp tác, cảm thông, chia sẻ, đoàn kết, bình đẳng, lễ độ, tôn trọng mọi người...

3/Nhóm những giá trị thể hiện trách nhiệm của công dân đối với công việc, gồm:

Yêu nghề, đam mê công việc, trách nhiệm cao, lương tâm, tôn trọng tri thức, tôn trọng pháp luật và những quy định của xã hội, có kỉ luật, tự giác, năng động, sáng tạo, tích cực, thích ứng, tôn trọng lẽ phải, dũng cảm, liêm khiết...

4/Nhóm những giá trị liên quan đến môi sinh gồm:

Xây dựng gia đình hạnh phúc, bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường văn hoá xã hội, bảo vệ giá trị truyền thống, bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh và các tệ nạn xã hội, chống đói nghèo, bệnh tật...

5/Nhóm những giá trị thể hiện lối sống, lí tưởng của dân tộc:

Vì dân giàu, nước mạnh, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ văn minh....

- GVCN phải là người góp phần phát triển năng lực của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá – hiện đại hoá

Trong lịch sử giáo dục nước nhà, chưa bao giờ đòi hỏi đội ngũ thầy cô giáo nói chung và GVCN các lớp ở phổ thông phải góp phần tổ chức giáo dục phát triển các năng lực ở HS như hiện nay. Kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước về con người cuối thế kỷ XX đã xác định những năng lực cơ bản của con người Việt Nam bước vào thế kỷ XX. Việc phát triển các năng lực ấy không phải nhiệm vụ riêng của ai, song trước hết thuộc về trách nhiệm của giáo dục nhà trường, trong đó có đội ngũ các cán bộ quản lí trường và GVCN các cấp.

Giáo dục tiểu học có một vị trí đặc biệt trong việc đặt nền móng phát triển các năng lực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhưng cần nhận thức thật đầy đủ: giáo dục ở bậc phổ thông chỉ là giai đoạn góp phần ĐẶT NỀN MÓNG đầu tiên cho các năng lực, còn phát triển hoàn thiện các năng lực là suốt đời, bao gồm các năng lực:

- + Năng lực tư duy sáng tạo
- + Năng lực tự hoàn thiện
- + Năng lực giao tiếp ứng xử
- + Năng lực thích ứng
- + Năng lực hợp tác và cạnh tranh
- + Năng lực tổ chức và quản lí
- + Năng lực hoạt động chính trị
- + Năng lực nghiên cứu khoa học
- + Năng lực lao động nghề nghiệp chuyên biệt.
- Để phát triển mỗi năng lực, HS phải được rèn luyện một hệ thống kĩ năng từ đơn giản đến phức tạp dần và phát triển qua một quá trình; rèn luyện một cách hệ thống theo đồng tâm xoáy tròn ốc.

- Các năng lực trên lại có quan hệ tương hỗ, thúc đẩy nhau; vì vậy, phát triển các năng lực là một quá trình không đơn giản.

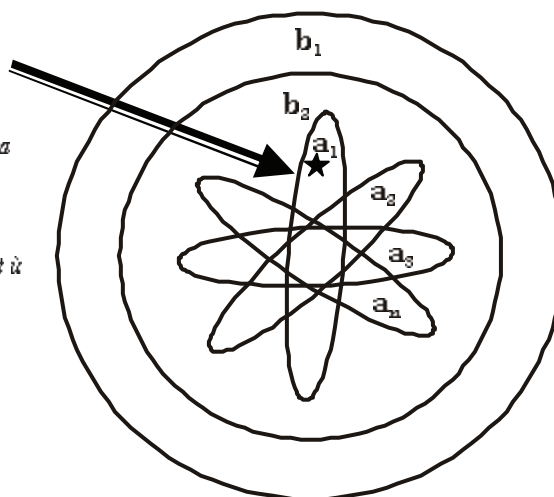
Thực hiện mục tiêu giáo dục trên là trách nhiệm của tất cả mọi người, của toàn xã hội, đặc biệt là trách nhiệm của giáo dục nhà trường, trong đó có GV các cấp học, đặc biệt là trọng trách của GVCN lớp.

Thứ ba, môi trường xã hội phong phú, phức tạp, đòi hỏi phải đổi mới phương thức tổ chức tác động giáo dục nói chung, công tác GVCN nói riêng.

Chúng ta đã biết “bản chất của con người là tổng hoà các quan hệ xã hội”. Ngày nay, dưới tác động của các phương tiện thông tin đại chúng, của việc hội nhập mở cửa giao lưu toàn cầu đã dẫn tới sự giao thoa giữa các môi trường vi mô và vĩ mô. Chính điều đó đòi hỏi phải thống nhất các ảnh hưởng, các tác động của các loại môi trường đến HS. Song, giáo dục nhà trường mà trực tiếp là đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường và GVCN là lực lượng chịu trách nhiệm chủ yếu.

Chú thích:

- ★ - : Mỗi cá nhân (HS, sinh viên...).
- a_1, a_2, a_3 : Là môi trường vi mô như gia đình, cộng đồng nơi ở lớp học; tập thể giáo dục...
- b_1, b_2, \dots : Là môi trường xã hội vi mô từ địa phương, quốc gia đến quốc tế.
- - Tính thống nhất các lực lượng trong hoạt động giáo dục.



Thực tế hôm nay cho thấy mục tiêu, chất lượng giáo dục đào tạo ngày càng đòi hỏi cao, môi trường sống ngày càng phong phú, phức tạp. Chỉ có thể giải quyết mâu thuẫn trên bằng một hệ thống giải pháp tạo ra sự thống nhất các tác động giáo dục, một phần không nhỏ đặt trên vai đội ngũ GVCN lớp ở các trường. GVCN ngày nay phải là một nhà tổ chức quản lý thống nhất các mối quan hệ, các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhằm tác động tới từng em và tập thể HS lớp chủ nhiệm.

Thứ tư, một thực tế không thể bỏ qua đó là HS ngày càng có những đặc điểm rất đáng quan tâm, rất cần có GVCN.

HS ngày nay có những đặc điểm tâm sinh lí mà thế hệ ông cha trước đây không có. Do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như đời sống vật chất có những thay đổi rất lớn, phân hoá giàu nghèo quyết liệt, ảnh hưởng của văn hoá phẩm, của các tác động xã hội tích cực và tiêu cực trong và ngoài nước, các em được sống trong xã hội dân chủ, bình đẳng, cởi mở hơn, có cơ hội, có điều kiện tham gia nhiều lĩnh vực của cuộc sống, của các hoạt động vui chơi, giải trí... Ở thế hệ trẻ ngày nay có những chỉ số phát triển hơn các thế hệ trước: khỏe hơn, tuổi dậy thì sớm hơn, các chỉ số IQ cũng cao hơn, nhu cầu hoạt động, hưởng thụ cũng phong phú hơn...

Sống trong thực tế ấy, ở HS có sự phân hoá, phân cực khá rõ rệt. Một bộ phận không nhiều có nhận thức, có ý chí, bản lĩnh biết tận dụng thời cơ, điều kiện học tập rèn luyện để trở thành những người tiên tiến... Còn một bộ phận lớn chưa có kinh nghiệm sống, những phẩm chất tâm lí, đạo đức chưa bền vững rất khó khăn trong sự lựa chọn, xác định phương hướng học tập, rèn luyện. Vì vậy, vai trò của các nhà sư phạm (trong đó có GVCN) là rất quan trọng.

- Thứ năm, trong nhiều năm, việc giáo dục đạo đức, ý thức công dân chưa được coi trọng đúng mức, công tác GVCN lớp bị coi nhẹ.

Một trong những nguyên nhân phải coi trọng công tác GVCN là do nhiều năm qua nhà trường không coi trọng đúng mức tới công tác giáo dục đạo đức. Trong HS có những biểu hiện suy thoái về đạo đức. Vì không coi trọng giáo dục nên:

- + Mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục chậm đổi mới.
- + Coi nhẹ giáo dục đạo đức, lối sống, chủ yếu dạy văn hoá, dạy nghề, kĩ thuật (nhất là các trường THPT và các loại trường sau phổ thông như trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học...).
- + Chưa có định hướng quản lí, xây dựng được một cơ chế quản lí, đánh giá thống nhất về giáo dục đạo đức toàn xã hội, giữa các địa phương, hệ thống các trường.
- + Chưa xử lí nghiêm minh, kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong và ngoài nhà trường.
- + Chưa có chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng kịp thời cá nhân, tập thể; chưa tạo ra được một dư luận mạnh mẽ đối với các hiện tượng xã hội.
- + Coi nhẹ các điều kiện, cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động văn hoá, hoạt động chính trị, vui chơi giải trí lành mạnh.

- + Một trong những thiếu sót ảnh hưởng đến quản lý giáo dục HS phổ thông là công tác GVCN không được coi trọng. Điều đó thể hiện trước hết là trong các trường sư phạm coi nhẹ việc trang bị lí luận và kĩ năng làm công tác chủ nhiệm, kiến thức bắt cập với thực tế phổ thông.

Hầu như sinh viên sư phạm ra trường không có kĩ năng làm công tác chủ nhiệm. Chủ yếu trong các trường sư phạm dạy kiến thức khoa học và trang bị phương pháp dạy học môn học.

- + Các cấp quản lí và các trường phổ thông chưa coi trọng đúng mức công tác chủ nhiệm. Chưa coi trọng tuyển chọn những GV đủ tiêu chuẩn làm chủ nhiệm, chưa quản lí, chưa bồi dưỡng, chưa quan tâm, tạo cơ hội, điều kiện cho đội ngũ GVCN thực hiện tốt công tác chủ nhiệm.
- + Chế độ, chính sách đối với GVCN chưa hợp lí. Từ năm 2000, theo tinh thần môi trường giáo dục, chương trình “Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp” giao trọng trách cho GVCN, nhưng từ đó đến nay chưa có một cơ chế rõ ràng, chưa có một chế độ đãi ngộ tương xứng với trách nhiệm, nhiệm vụ và nội dung GVCN phải đảm nhận, đã gây ra ảnh hưởng không lành mạnh trong các trường phổ thông. Những thầy cô giáo chủ nhiệm triển khai tốt chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp không được ghi nhận làm cho họ chán nản.
- + Một bộ phận GVCN ở phổ thông làm việc chưa hiệu quả. Nhiều người vì ý thức trách nhiệm chưa cao, vì thiếu năng lực, vì đời sống khó khăn, vì những hiện tượng HS hư làm cho một bộ phận GVCN làm việc thiếu nhiệt tình, kém hiệu quả...
- + v.v...

Tóm lại: Trong đổi mới giáo dục đang tiến hành, quản lí giáo dục đạo đức, lối sống chưa có sự thống nhất toàn xã hội từ nhận thức đến hành động.

Xuất phát từ những yêu cầu mới, từ hoàn cảnh cụ thể của xã hội, của giáo dục nhà trường, của gia đình trong thời đại hiện nay, vị trí của GVCN và công tác GVCN ở trường học (không chỉ ở các trường tiểu học, trường phổ thông mà kể cả các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học...) có một ý nghĩa đặc biệt. Vấn đề đặt ra là đòi hỏi GVCN thực hiện công tác chủ nhiệm như thế nào và cần xác định một cơ chế hoạt động về quyền hạn, trách nhiệm cho phù hợp với thực tế.